

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày: 20/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu T – Nguyên Hiệu trưởng trường tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Ông Lê Văn D – Nguyên Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Đ, tỉnh G.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Ngọc T** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở của Toà án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 68/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 0 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: G (Tên gọi khác: Không) - sinh ngày 08/4/2004 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; số CCCD: 064204017360; Nơi cư trú: Thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Gia Rai; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông G1 - sinh năm 1983 và bà M - sinh năm 1986. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: tại thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 07 anh em, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2010, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ trong vụ án khác về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: U (Tên gọi khác: Không) - sinh ngày 30/5/2008 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; số CCCD: 0064208016496; Nơi cư trú: Thôn N, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Gia Rai; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông P - sinh năm 1984 và bà B - sinh năm 1985. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: tại thôn N, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/4/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: H (Tên gọi khác: Không) - sinh ngày 21/6/2007 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; số CCCD: 064207016840; Nơi cư trú: Thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Gia Rai; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông H - sinh năm 1979 và bà S - sinh năm 1981. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: tại thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012. Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không, Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC, ngày 26/01/2024 của công an huyện Đ (bị cáo đã nộp phạt xong).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/4/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ tư: K (Tên gọi khác: Không) - sinh ngày 26/02/2004 tại tỉnh G; Giới tính: Nam; số CCCD: 064204017439; Nơi cư trú: Thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Gia Rai; tôn giáo: Tin lành; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông P - sinh năm 1963 và bà R - sinh năm 1981. Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: tại thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 07 anh em, người anh lớn nhất đã chết không xác định được năm sinh), nhỏ nhất lớn nhất sinh năm 2004. Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2024 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông H, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt.

2. Anh R, sinh năm: 2004.

Địa chỉ: Thôn Bia Bre, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt.

3. Anh AY, sinh năm: 2009.

Địa chỉ: Thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt.

4. Anh G, sinh năm: 2003.

Địa chỉ: Thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo U: Ông P, sinh năm: 1984 (bố ruột) và bà B, sinh năm: 1985 (mẹ ruột). Cùng địa chỉ: Thôn N, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo H: Ông H, sinh năm: 1979 (bố ruột) và bà S, sinh năm: 1981 (mẹ ruột). Cùng địa chỉ: Thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án AY: Anh Yh, sinh năm: 1990 (bố ruột) và Chị L, sinh năm: 1993 (mẹ ruột). Cùng

địa chỉ: Thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo G, U, H và K : Bà Trang Thị Thùy D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G.

Có mặt.

Người phiên dịch: Bà H.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố P, tỉnh G.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2024, G 02 lần mua ma túy của H (không rõ nhân thân lai lịch) tại xã IP, huyện Đ với tổng số tiền là 800.000 đồng mục đích để sử dụng và đi bán cho người khác. Trong tháng 3/2024, G đã bán 01 gói ma túy cho người cùng tên G (sinh năm 2003, trú tại thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G) với số tiền 300.000 đồng, G đưa ma túy cho U đi bán và U đã bán cho R (sinh năm 2004, trú tại làng N, xã IP, huyện Đ, tỉnh G) 01 gói ma túy với số tiền 300.000 đồng và bán cho một người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) 01 gói với số tiền 400.000 đồng, số tiền trên U đã đưa cho G.

Đến tháng 4/2024, G tiếp tục mua nhiều gói nhỏ ma túy của H với tổng số tiền 1.500.000 đồng. Đến ngày 23/4/2024 và ngày 25/4/2024, G đưa cho U 02 lần tổng cộng 14 gói ma túy để U đi bán. Số ma túy trên U làm rơi mất 04 gói, bán được 05 gói cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 40 phút, ngày 25/4/2024, G nhận được tin nhắn từ tài khoản facebook của Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) và H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy, G đồng ý rồi hẹn Đ và H1 đến khu vực điện gió xã IP. Sau đó, G nhắn tin nói U đi giao ma túy, U đồng ý và đi bộ đến điểm hẹn giao 01 gói ma túy cho Đ và H1 với số tiền 300.000 đồng, Đ và H1 không có tiền nên đưa cho U một điện thoại di động hiệu Sam Sung, màu trắng để cầm cố làm tin.

Lần thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 25/4/2024, R sử dụng tài khoản facebook tên “TYNI” nhắn tin cho U hỏi mua 200.000 đồng ma túy, U đồng ý và hẹn ra trước quán internet “Lệ Nguyệt”. U đi bộ từ nhà đến trước quán internet giao cho R 01 gói ma túy và nhận số tiền 200.000 đồng. Số ma túy trên R mang về nhà sử dụng một mình.

Lần thứ ba và lần thứ tư: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/4/2024, H và K ngồi nhậu với nhau tại sân bóng thuộc thôn A, xã IP, huyện Đ, tỉnh G thì H rủ K sử dụng ma túy, K đồng ý nên H dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K nhắn tin cho U hỏi mua 300.000 đồng ma túy, U đồng ý và hẹn H đến khu vực Nghĩa trang thôn N, xã IP nên H một mình điều khiển xe mô tô biển số 81C1 – 082.22 đi mua ma túy. Khi đến nơi, U giao cho H một gói ma túy với số tiền 300.000 đồng. H cầm ma túy rồi điều khiển xe về nhà lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy cầm đến sân bóng. Lúc này, K nhặt chai nhựa ở sân bóng đưa cho H rồi dùng điện thoại của H bật đèn pin soi cho H đi lấy nước. Sau khi lấy nước xong, H lấy nỏ thủy tinh, ống hút, chai nước lắp lại thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy và lấy gói ma túy đổ vào nỏ thủy tinh, lấy que gạt đốt nóng ma túy lên sử dụng

trước sau đó đốt ma túy cho K sử dụng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H tiếp tục rủ K sử dụng ma túy và thỏa thuận cầm điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của H để mua ma túy (trong đó H góp số tiền 200.000 đồng, K góp số tiền 100.000 đồng), K đồng ý. H sử dụng điện thoại nhắn tin cho U thì U hẹn đến khu vực Nghĩa trang thôn N, xã IP. K điều khiển xe mô tô biển số 81C1 – 082.22 chở H đến điểm hẹn. Khi đến nơi, H đưa điện thoại cho K rồi K cầm điện thoại đi đến đưa cho U và lấy 01 gói ma túy cầm về lại sân bóng. Trên đường đi K nhặt một chai nhựa rồi lấy nước cho vào chai mục đích để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Khi về đến sân bóng, H lấy nỏ thủy tinh trong cốp xe mô tô, K cầm gói ma túy đưa cho H đổ vào nỏ thủy tinh để cả hai dùng quẹt gas đốt nóng cùng sử dụng. Sau khi sử dụng xong, H mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy về nhà cất giấu tại đồng cU của gia đình H, còn K đi về nhà mình ngủ. Ngày 26/4/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khám cấp tại đồng cU của gia đình H thu giữ 01 túi vải màu hồng bên trong có 01 nỏ thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to; 01 ống hút được gắn vào nắp nhựa màu đỏ; 01 quẹt gas màu trắng và 02 tim quẹt được quấn giấy bạc.

Lần thứ năm: Vào khoảng 22 giờ ngày 25/4/2024, G nhận được tin nhắn của Y (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy, G đồng ý và hẹn Y đến khu vực ruộng lúa thuộc thôn BG, xã IP rồi G nhắn tin nói U đi giao ma túy. U đi bộ đến địa điểm đã hẹn giao 01 gói ma túy cho Y và lấy số tiền 200.000 đồng.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 26/4/2024, U đến khu vực đồng lúa thuộc thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G đưa cho G số tiền 700.000 đồng tiền bán ma túy, G đưa lại cho U số tiền 300.000 đồng tiền công và 01 gói ma túy để U sử dụng. Đến khoảng 10 giờ ngày 26/4/2024, U bị Công an huyện Đ bắt quả tang thu giữ một túi zip kéo bên trong có chứa 05 gói nilon được hàn kín hai đầu, trong mỗi gói có chứa các tinh thể màu trắng; 01 ví da màu nâu, bên trong có số tiền 350.000 đồng và 03 điện thoại di động.

Quá trình điều tra, xác định G hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” là người đưa ma túy cho U đi bán và G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, G cũng khai nhận từ ngày 25/4/2024 đến ngày 29/5/2024 G trực tiếp đi bán ma túy nhiều lần và bán cho nhiều người, cụ thể:

Lần thứ 1: Vào khoảng 17 giờ 50 phút ngày 25/4/2024, P (sinh năm 1995, trú tại làng K, xã H, huyện M, tỉnh G) nhắn tin đến tài khoản facebook “MỠ PYÁO” của G hỏi mua ma túy, G đồng ý và đã bán cho P 03 gói ma túy với số tiền 900.000 đồng tại khu vực Nghĩa trang thuộc thôn N, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Lần thứ 2: Ngày 26/4/2024, tại khu vực điện gió thuộc thôn BG, xã IP G đã bán cho G (sinh năm 2003) 02 gói ma túy với số tiền 600.000 đồng. Số ma túy trên, G (sinh năm 2003) sử dụng một mình tại rẫy cà phê của người dân thuộc thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G.

Lần thứ 3: Ngày 29/5/2024, tại thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G, G bán cho AY (sinh ngày 09/11/2009, trú tại thôn BG, xã IP, huyện Đ, tỉnh G) 01 gói ma túy với số tiền 200.000 đồng. Số ma túy trên AY một mình sử dụng hết.

Theo Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể kết luận: U, H, K, G, R, G (sinh năm 2003), AY đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số 463/KL-KTHS ngày 04/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G kết luận:

- Chất màu trắng dạng tinh thể trong 05 gói nilon là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,4418 gam

- Chất rắn màu trắng đục bám dính trong đoạn ống thủy tinh, uốn cong, một đầu phình to là ma túy, loại Methamphetamine, không cân được khối lượng chất bám dính do lượng mẫu ít.

Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo G về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo U về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo K về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và bị cáo H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo G từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo U từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo K từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Điều 38; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn tuyên về xử lý vật chứng và án phí

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì. Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng cho bị cáo U mức hình phạt thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo G và U, từ khoảng tháng 3/2024 cho đến khi bị cơ quan chức năng phát hiện, G và U đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng khác nhau. Do vậy, hành vi của các bị cáo G và U đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo G còn có hành vi đưa ma túy cho U mang đi bán cho người khác trong khi U chưa đủ 16 tuổi nên hành vi của bị cáo G là tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo H và K có hành vi chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy và góp tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng 02 lần nên đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Đối với K tổ chức cho H sử dụng ma túy khi H mới 16 năm 10 tháng 04 ngày tuổi nên bị truy tố thêm tình tiết định khung quy định điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, U và H khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 nên U và H được áp dụng Mục 1 Chương XII Quy định chung về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Trong vụ án này có nhiều bị cáo nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công cụ thể rõ ràng, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây chỉ là đồng phạm giản đơn.

Hành vi của các bị cáo thực hiện rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến công tác quản lý độc quyền của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các chất ma túy, xâm phạm đến sức khỏe con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đồng thời còn làm gia tăng tệ nạn nghiện chất ma túy trên địa bàn, ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh, bài trừ tệ nạn ma túy của nhà nước ta. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo G là người trực tiếp nhiều lần mua ma túy để bán lại lại kiếm lời, bị cáo biết U chưa đủ 16 tuổi nhưng rủ rê bị cáo

U lấy ma túy của mình bán cho người khác để kiếm lời nên pH chịu trách nhiệm chính trong vụ án và mức hình phạt pH cao hơn các bị cáo khác, bị cáo K biết bị cáo H chưa đủ 18 tuổi nhưng cùng với H 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vì vậy cần pH xử mức hình phạt thấp hơn bị cáo G nhưng cao hơn bị cáo U và K.

Đối với bị cáo U và bị cáo K khi phạm tội là người chưa thành niên, trong đó bị cáo U khi phạm tội dưới 16 tuổi và bị cáo K khi phạm tội dưới 18 tuổi. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét khi lượng hình để ra một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của hai bị cáo trên.

Tại phiên tòa người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế và đề nghị xem xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với của bị cáo U

Ma túy là vấn nạn của xã hội hiện nay các hành vi vi phạm pháp luật như trộm, cướp, thậm chí là giết người là những hành động mà các con nghiện thường gây ra để thỏa mãn nhu cầu hút chích của mình. Trật tự an ninh xã hội bị đảo lộn bởi các hành vi quá khích sau khi sử dụng ma túy ở con nghiện, các bị cáo đều nhận thức rõ được tác hại này, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn nên đã được nhà nước quan tâm tạo điều kiện bằng việc trợ giúp pháp lý miễn phí đối với những trường hợp này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo U hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo U khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi, bị cáo bán ma túy cho nhiều người nhưng người hưởng lợi chính ở đây là bị cáo G, bị cáo chỉ hưởng lợi một phần nhỏ trong số tiền bán ma túy đó. Vì vậy, đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị cáo chỉ đóng vai trò đồng phạm giúp sức. Mục đích của pháp luật không chỉ mang tính răn đe mà còn giúp người phạm tội cải tạo giáo dục họ trở thành công dân tốt cho xã hội, đặc biệt đối với người chưa thành niên điều đó càng thể hiện rõ hơn. Do vậy, chấp nhận đề nghị của người bào chữa, xử phạt bị cáo U một mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo cũng vừa thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Đối với hành vi của R, G (sinh năm 2003); AY mua ma túy về sử dụng một mình nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Xuân Thông là chủ quán internet “Lệ Nguyệt” nhưng anh Thông không biết việc G, R sử dụng máy tính của quán để giao dịch mua, bán ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người tên Đ, H1, Y, P là người mua ma túy của U và G. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với H là người bán ma túy cho G. Cơ quan điều tra đã Quyết định truy tìm và tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 81C1 – 082.22 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký của xe mô tô biển số 81C1 – 082.22 do Ông H giao nộp. Quá trình điều tra xác định là của Ông H. Ngày 25/4/2024, H tự ý lấy xe đi rồi sử dụng đi mua ma túy, Ông H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ông H theo quy định.

- Đối với số tiền 50.000 đồng là của bà B cho U sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà B theo quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ có gắn thẻ sim số 0706119267 (đã qua sử dụng), quá trình điều tra xác định là của Ông H cho H mượn để vào mạng xã hội Facebook nhưng H tự ý liên lạc mua ma túy, Ông H không biết. nên trả lại cho Ông H là phù hợp.

- Đối với các vật chứng khác gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu trắng là điện thoại U cầm cô khi bán ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu redmi, màu xanh của U sử dụng liên lạc bán ma túy; Số tiền 300.000 đồng tiền công bán ma túy của U (hiện Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ, tỉnh G đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện Đ, tỉnh G); đây là các chứng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ.

- Đối với số tiền 3.100.000 đồng là tiền bị cáo G thu lợi bất chính do phạm tội mà có cần truy thu sung công quỹ.

- 01 túi vải màu hồng; 01 ống hút được gắn vào 01 nắp nhựa màu đỏ; 01 quạt ga màu trắng; 02 tim quạt được quấn giấy bạc; 01 ví da màu nâu; 0,3321 gam ma túy loại Methamphetamine trong 05 gói nilon được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 463/PC09 ngày 04 tháng 5 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng kỹ thuật Hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Phan Ngọc Đ, Bùi Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Minh T và 01 đoạn ống thủy tinh, uốn cong có một đầu phình to, dạng hình cầu được niêm phong trong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 463/PC09 ngày 04 tháng 5 năm 2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng kỹ thuật Hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Phan Ngọc Đ, Bùi Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Minh T được hoàn lại sau giám định là vật chứng liên quan đến việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b, c, e khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G.

- Điểm b, c, khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 98; Điều 101 đối với bị cáo U.

- Điểm a, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

- Điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 98; Điều 101; đối với bị cáo H.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **G**, bị cáo **U** phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo **K**, bị cáo **H** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo **G** 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **U** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2024.

Xử phạt bị cáo **K** 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2024.

Xử phạt bị cáo **H** 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2024.

3. Về Vật chứng:

- Trả lại cho Ông **H** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO AIK màu đỏ, số Imei 1: 865498045253150 có gắn thẻ sim số 0706119267. Tình trạng điện thoại: Đã cũ, máy hư hỏng, bề màn hình.

- Tịch thu sung công quỹ:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu trắng, số Imei: 358334/90/001820/2. Tình trạng điện thoại: Đã cũ, máy không còn hoạt động.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh, màu xanh, số Imei: 868329067409502. Tình trạng điện thoại: Đã cũ, máy không còn hoạt động.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 túi vải màu hồng (đã cũ).

01 ống hút được gắn vào 01 nắp nhựa màu đỏ.

01 quẹt ga màu trắng.

02 tìm quẹt được quấn giấy bạc.

01 ví da màu nâu.

01 bì thư niêm phong ký hiệu “số 01”. Tất cả được niêm phong trong phong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 01 và có dòng chữ “số 463/PC09 ngày 04/5/2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng kỹ thuật Hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Phan Ngọc Đ, Bùi Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Thanh H.

01 bì thư niêm phong ký hiệu “số 02”. Tất cả được niêm phong trong phong bì công văn Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G có đặc điểm: Mặt trước ghi phong bì số 02 và có dòng chữ “số 463/PC09 ngày 04/5/2024”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng các dấu tròn của Phòng kỹ thuật Hình sự, nội dung “CÔNG AN TỈNH G*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ” và các chữ ký, chữ viết của các ông Phan Ngọc Đ, Bùi Sỹ Th và bà Nguyễn Thị Thanh H.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đ với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, ngày 13 tháng 11 năm 2024.

- Truy thu của bị cáo **G** số tiền thu lợi bất chính do mua bán trái phép chất ma

túy là 3.100.000 đồng.

- Truy thu của bị cáo U số tiền thu lợi bất chính do mua bán trái phép chất ma túy là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bị cáo bị thu giữ hiện đã nộp vào kho bạc theo Lệnh thanh toán ngày 13/9/2024 số tài khoản 5012203000016 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh G.

4. Về án phí:

Buộc các bị cáo G, U, K và H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/11/2024), bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu HS, AV, VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân H